

Số: /BC - CTK

Vĩnh Phúc, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc
tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

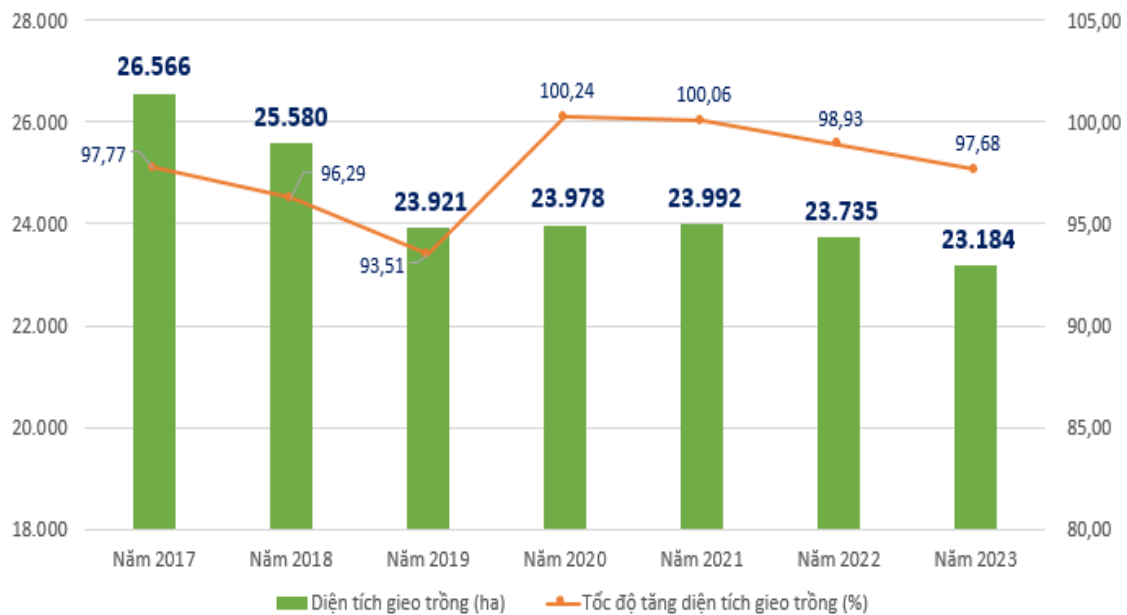
1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt

Tính đến trung tuần tháng 7/2023, toàn tỉnh đã gieo trồng được 30.432 ha cây trồng vụ Mùa, đạt 95,1% kế hoạch, giảm 3,22% so với cùng kỳ. Cụ thể: Diện tích gieo trồng vụ Mùa năm 2023 giảm ở hầu hết các loại cây trồng chính; trong đó, diện tích lúa giảm 2,32%, ngô giảm 8,24%, khoai lang giảm 12,53%, lạc giảm 18,42%, đậu tương giảm 17,08%, rau các loại giảm 2,48%. Nguyên nhân giảm do một số diện tích đất được chuyển mục đích sử dụng để xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, đường giao thông... và một số diện tích là vùng đất trũng, hiệu quả kinh tế kém nên bà con bỏ trống không gieo trồng.

Bên cạnh đó, sau dịch Covid-19, một phần lao động trong nông nghiệp đã chuyển sang làm công việc khác ở khu vực kinh tế công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ để có thu nhập cao hơn, dẫn đến lao động làm nông nghiệp giảm đáng kể nên nhiều diện tích đất bị bỏ trống, không gieo trồng. Điều này được thể hiện qua biểu đồ diện tích gieo trồng Lúa vụ mùa giai đoạn 2017-2023: Diện tích lúa mùa tăng trong hai năm đầu tiên của đại dịch (2020 và 2021) do nhu cầu lao động từ các ngành công nghiệp, dịch vụ chuyển sang nông nghiệp để tìm kiếm việc làm trong bối cảnh kinh tế khó khăn, nhưng trong giai đoạn sau đó (2022 và 2023), diện tích tiếp tục có xu hướng giảm dần do đã có sự chuyển đổi ngược trở lại từ nông nghiệp sang các ngành khác, làm giảm số lượng lao động trong nông nghiệp dẫn đến một số diện tích đất bị bỏ trống.

Diện tích gieo trồng Lúa vụ mùa giai đoạn 2017-2023



Hiện nay, các trà lúa đang trong giai đoạn đẻ nhánh nên các cơ quan chức năng khuyến cáo bà con cần tăng cường chăm sóc, bón phân sớm cho lúa ở giai đoạn này. Trong tháng, tại một số địa phương có xuất hiện rải rác sâu bệnh và sinh vật gây hại cây trồng. Hiện tượng này đã được cơ quan chức năng và bà con nông dân đã phát hiện kịp thời, thực hiện các biện pháp xử lý hiệu quả nên quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng không bị ảnh hưởng.

b. Chăn nuôi

Tháng 7/2023, công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm được thực hiện chặt chẽ, trên địa bàn tỉnh hiện chưa phát hiện ổ dịch bệnh truyền nhiễm. Sản xuất chăn nuôi duy trì ổn định, chăn nuôi lợn đã giảm bớt khó khăn do giá lợn hơi xuất chuồng đã tăng liên tục từ cuối tháng 5/2023 đến nay¹, người chăn nuôi bắt đầu có lãi. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 10.247,2 tấn, tăng 3,83% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 77.760 tấn, tăng 3,06%; sản lượng thịt trâu bò hơi ước đạt 3.926,7 tấn, giảm 3,46%; thịt lợn hơi ước đạt 49.626 tấn, tăng 3,02%; thịt gia cầm hơi ước đạt 24.207 tấn, tăng 4,28%; sản lượng sữa bò tươi ước đạt 35.050 tấn, tăng 7,02%; trứng gia cầm ước đạt 414,5 triệu quả, tăng 6,9% so với cùng kỳ.

¹ Hiện nay, giá bán lợn hơi xuất chuồng trên địa bàn tỉnh dao động trong khoảng 63.000 đồng/kg - 66.000 đồng/kg.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Tháng 7/2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 71,5 ha, giảm 8,75% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác đạt 4.125,0 m³, tăng 0,95%; sản lượng củi ước đạt 4.289 Ste, giảm 0,76%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 52,8 nghìn cây, giảm 8,97%. Công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng nhìn chung được thực hiện tốt. Trong tháng, trên địa bàn tỉnh không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

Tính chung 7 tháng, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 560,9 ha, tăng 2,11% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 26.079 m³, tăng 3,66%; sản lượng củi khai thác ước đạt 28.491 Ste, giảm 0,76%; tổng số lượng cây trồng phân tán đạt 564,6 nghìn cây, giảm 5,9% so với cùng kỳ.

1.3. Sản xuất thủy sản

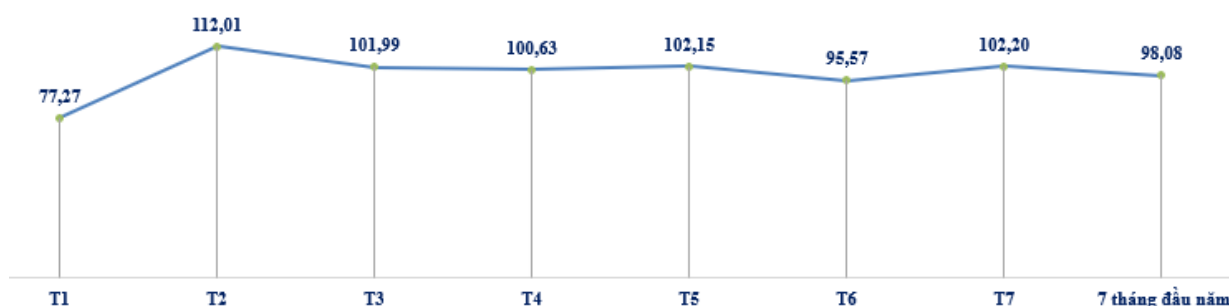
Tháng 7/2023, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 1.729,3 tấn, tăng 5,07% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu do năm 2022 một số diện tích nuôi trồng bị thiệt hại do ảnh hưởng của mưa bão. Trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 179,8 tấn, tăng 1,1%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 1.549,5 tấn, tăng 5,55%. Bảy tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 13.337,9 tấn, tăng 3,52%; trong đó, sản lượng khai thác nội địa ước đạt 990,3 tấn, tăng 0,54%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 12.347,6 tấn, tăng 3,77%; sản lượng con giống ước đạt 2.536,3 triệu con, tăng 1,52% so với cùng kỳ.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 7/2023, với sự nỗ lực cộng đồng doanh nghiệp; sự hỗ trợ tối đa của chính quyền địa phương và hiệu quả từ các chính sách mới ban hành của Chính phủ² đã tác động tích cực đến hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tăng 5,81% so với tháng trước và tăng 2,20% so với cùng kỳ. Một số ngành công nghiệp trọng điểm như sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất ô tô và sản xuất xe máy ghi nhận mức tăng trưởng cao hơn so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - chính trị thế giới dự kiến vẫn tiếp tục gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất công nghiệp tại tỉnh Vĩnh Phúc, các doanh nghiệp trong tỉnh phải đối mặt với thách thức trong việc tìm kiếm đơn hàng, giữ vững hoạt động sản xuất và kiểm soát chi phí sản xuất để vượt qua giai đoạn khó khăn này.

² Nghị định 41/2023/NĐ-CP về giảm thuế trước bạ đối với ô tô sản xuất lắp ráp trong nước có hiệu lực từ 01/7/2023; Nghị định số 36/2023/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước; Quyết định số 1123/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước về giảm lãi suất điều hành;

Chỉ số sản xuất công nghiệp các tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)



So với cùng kỳ, chỉ số sản xuất ngành khai khoáng tăng 8,67%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,15%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,37%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 15,22%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh có tín hiệu phục hồi tích cực trong tháng 7/2023, trong khi các ngành khác gặp khó khăn và giảm sản lượng sản xuất. Cụ thể: Ngành Sản xuất xe có động cơ tăng 19,48% so với tháng trước và 18,67% so với cùng kỳ nhờ chính sách mới của Chính phủ về giảm thuế trước bạ đã kích cầu thị trường tiêu thụ ô tô và giúp ngành đạt mức tăng trưởng cao; ngành sản xuất trang phục đang có sự phục hồi mạnh mẽ tăng 14,76% so với cùng kỳ; ngành sản xuất linh kiện điện tử tăng 7,57% so với tháng trước và 8,37% so với cùng kỳ, dù đang ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng, ngành đang có xu hướng chậm lại³ do kinh tế toàn cầu phục hồi chậm và nhu cầu thị trường công nghệ giảm; ngành sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 2,36% so với tháng trước, nhưng giảm 9,86% so với cùng kỳ do khó khăn trong thị trường tiêu thụ xe máy. Trong khi đó, ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác và sản xuất kim loại đều ghi nhận mức giảm lần lượt là 38,72% và 10,61% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu là do tình hình kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản trầm lắng và lãi suất ngân hàng cao, ảnh hưởng đến nhu cầu xây dựng và sửa chữa nhà ở.

Bảy tháng đầu năm, ước tính IIP toàn ngành công nghiệp của Vĩnh Phúc giảm 1,92% so với cùng kỳ năm trước. Ngành in, sao chép bản ghi các loại tăng 8,37%; ngành sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 15,45%; ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 9,22%; ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 45,30%; ngành sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 37,83%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có IIP giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng bởi khó khăn chung của kinh tế thế giới, đơn hàng giảm, cầu tiêu thụ thấp: Ngành dệt giảm 18,95%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 17,99%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện

³ IIP ngành 26. Sản xuất linh kiện điện tử từ tháng 2/2023 đến tháng 7/2023 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 121,46%; 118,43%; 119,13%; 115,80%; 5,10%; 8,37%.

giảm 15,93%; ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 24,10%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 24,59%; ngành sản xuất xe có động cơ giảm 33,41%; ngành sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 11,50%.

Tháng 7/2023, ước tính sản lượng sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh như thức ăn gia súc, xe ô tô các loại, doanh thu linh kiện điện tử đều tăng so với cùng kỳ. Ngược chiều, sản lượng giày thể thao, gạch ốp lát và xe máy các loại giảm; trong đó, giảm mạnh nhất là sản phẩm gạch ốp lát với mức giảm 38,72%. Tính chung 7 tháng đầu năm, ngoài doanh thu linh kiện điện tử ghi nhận mức tăng 9,22% so với cùng kỳ năm trước, các sản phẩm công nghiệp chủ yếu còn lại của tỉnh đều có sản lượng giảm; trong đó, giảm mạnh nhất là sản phẩm xe ô tô các loại (giảm 33,63%), tiếp theo là gạch ốp lát (giảm 24,59%).

Biểu 1. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Bảy và 7 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn

Sản phẩm	Đơn vị tính	Sản lượng		Tốc độ tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ (%)	
		Tháng 7 năm 2023	7 tháng năm 2023	Tháng 7 năm 2023	7 tháng năm 2023
1. Thức ăn gia súc	Tấn	24.000	157.155	+7,82	-8,16
2. Giày thể thao	Nghìn đôi	760	6.518	-36,46	-17,99
3. Gạch ốp lát	Nghìn m ²	6.788,7	51.915,2	-38,72	-24,59
4. Xe ô tô các loại	Chiếc	4.379	23.048	+19,97	-33,63
5. Xe máy các loại	Chiếc	125.359	906.399	-7,88	-10,89
6. Doanh thu dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Tỷ đồng	18.394,9	121.207,6	+8,37	+9,22

Chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tháng 7/2023 tăng 3,19% so với tháng trước và tăng 0,63% so với cùng kỳ. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, song các doanh nghiệp đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để ổn định sản xuất, tìm kiếm đơn hàng, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 7/2023 tăng 19,38% so với tháng trước và tăng 2,31% so với cùng kỳ. Đây là tháng đầu tiên kể từ đầu năm chỉ số tiêu thụ ghi nhận mức tăng so với cả tháng trước và tháng cùng kỳ; điều này cho thấy dấu hiệu phục hồi tích cực của ngành sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn. So với tháng trước, 12 ngành

công nghiệp cấp 2 có chỉ số tiêu thụ tăng với một số ngành có mức tăng khá là: Ngành sản xuất trang phục tăng 11,07%; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 10,39%; ngành sản xuất thiết bị điện tăng 12,35%; ngành sản xuất xe có động cơ tăng 69,86%...; 06 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm, trong đó giảm mạnh nhất là ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan với mức giảm 6,73%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 7/2023, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 3,99% so với tháng trước và tăng 27,63% so với cùng kỳ. So với tháng trước, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: Ngành sản xuất chế biến thực phẩm tăng 21,67%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 17,78%; ngành sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 13,91%; ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 19,79%; các ngành có chỉ số tồn kho giảm đáng kể là ngành dệt giảm 28,73%; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 12,28%; ngành sản xuất thiết bị điện giảm 36,52% và ngành sản xuất xe có động cơ giảm 28,41%.

3. Đầu tư và phát triển doanh nghiệp

3.1. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách Nhà nước

Tháng 7/2023, tiến độ thực hiện vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tại tỉnh Vĩnh Phúc đã có sự đẩy nhanh, đạt mức tăng khá so với tháng trước và cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, tổng vốn đầu tư thực hiện trong 7 tháng đầu năm vẫn còn thấp so với kế hoạch giao của năm (khoảng 35%). Nguyên nhân chính là do một số dự án chậm tiến độ và cần thực hiện thủ tục điều chỉnh, gia hạn; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng vẫn gặp nhiều khó khăn, khó giải quyết; giá nguyên vật liệu đầu vào cao khiến việc thi công giãn tiến độ hoặc cần điều chỉnh dự toán công trình. Kết quả cụ thể:

Tháng 7/2023, tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước địa phương quản lý ước đạt 821,84 tỷ đồng, bằng 7,61% vốn kế hoạch điều chỉnh năm 2023, tăng 12,55% so với tháng trước và tăng 23,24% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 455,18 tỷ đồng, vốn ngân sách cấp huyện đạt 267,74 tỷ đồng và vốn ngân sách cấp xã đạt 98,92 tỷ đồng. Lũy kế 7 tháng đầu năm, tổng vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý thực hiện ước đạt 3.876 tỷ đồng, tăng 16,13% so với cùng kỳ, bằng 35,87% kế hoạch vốn giao đầu năm.

3.2. Thu hút đầu tư trực tiếp

Những tháng đầu năm 2023, Vĩnh Phúc đã bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, triển khai nhiều nhóm giải pháp đồng bộ để nhanh chóng khắc phục các khó khăn trong bối cảnh nguồn vốn FDI toàn cầu có xu hướng suy giảm. Kết quả thu hút các dự án mới tuy đạt thấp hơn so với cùng kỳ, nhưng vốn đăng ký điều

chính tăng cao cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh có nhiều lợi thế, giúp tỉnh giữ chân các doanh nghiệp và tiếp tục là điểm đến đầu tư an toàn, tin cậy cho các nhà đầu tư.

Tính đến ngày 15/7/2023, theo số liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 40 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đạt 440,76 triệu USD, tăng 74,89% so với cùng kỳ. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là ngành mũi nhọn về thu hút đầu tư FDI với 39/40 dự án. Hàn Quốc là nước có số lượng dự án lớn nhất với 19 dự án, với tổng số vốn đăng ký 87,87 triệu USD, tăng 62,02% so cùng kỳ.

Về thu hút đầu tư trong nước: Đến ngày 15/7/2023 tỉnh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 15 dự án DDI với tổng vốn đăng ký đạt 11,6 nghìn tỷ đồng, tăng 44,85% so với cùng kỳ. Trong đó, cấp mới cho 08 dự án với tổng vốn đăng ký là 3,5 nghìn tỷ đồng; có 07 lượt dự án tăng vốn với tổng vốn tăng là 8,1 nghìn tỷ đồng.

3.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính đến ngày 15/7/2023, toàn tỉnh có 867 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 7.023 tỷ đồng, dự kiến giải quyết việc làm cho 5.755 lao động, tăng 11,3% về số doanh nghiệp, tăng 27,24% số lao động nhưng giảm 10,62% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước.

Một số ngành có số lượng doanh nghiệp tăng cao so với cùng kỳ: Ngành nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 200%; ngành giáo dục tăng 129,41%; ngành thông tin và truyền thông tăng 42,86%; ngành vận tải kho bãi tăng 30,56%... Xét về cơ cấu số lượng doanh nghiệp thành lập mới, tập trung chủ yếu ở ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác với 287 doanh nghiệp, chiếm 33,1%, tăng 12,11%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo với 160 doanh nghiệp, chiếm 18,45%, tăng 5,26%; ngành xây dựng với 146 doanh nghiệp, chiếm 16,84%, tăng 21,67% so với cùng kỳ năm trước;...

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 247 doanh nghiệp, giảm 15,12% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 1.114 doanh nghiệp (trung bình mỗi tháng có 159 doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động).

Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tiếp tục có chiều hướng gia tăng. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể trong kỳ là 666 doanh nghiệp, tăng 37,04% so với cùng kỳ, bao gồm: 588 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có

thời hạn, tăng 33,64%; 78 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 69,57% so với cùng kỳ. Trung bình mỗi tháng có 95 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Thương mại, dịch vụ

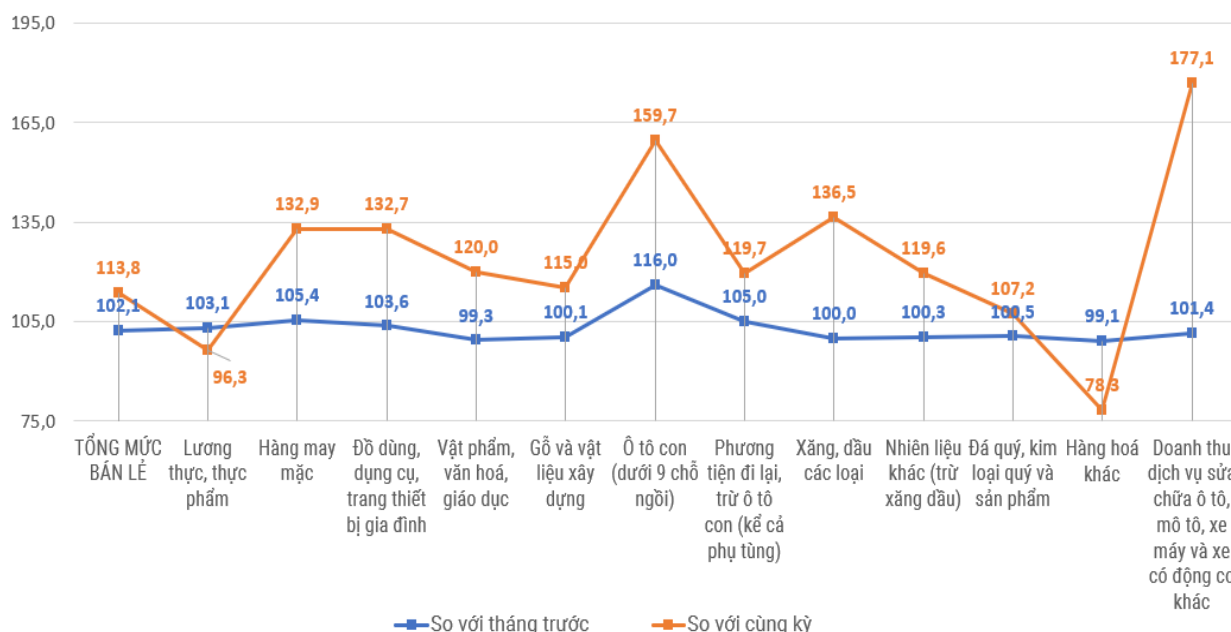
Tháng 7/2023, hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng cao, là tháng thứ bảy liên tiếp đạt mức tăng 2 con số so với cùng kỳ (+16,56%), tháng thứ năm liên tiếp tăng so với tháng trước (+1,90%). Tính chung 7 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 46.353 tỷ đồng, tăng 24,98% so với cùng kỳ.

4.1. Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tháng 7/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 6.766,3 tỷ đồng, tăng 1,90% so với tháng 6/2023 và tăng 16,56% so với tháng 7/2022.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 5.763,1 tỷ đồng (chiếm 85,17% tổng mức), tăng 2,15% so với tháng trước và tăng 13,78% so với cùng kỳ. Hầu hết các nhóm ngành hàng chủ yếu đều có doanh thu tăng so với tháng Sáu và so với cùng kỳ. Đặc biệt, nhờ tác động tích cực của Nghị định 41/2023/NĐ-CP của Chính phủ, giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô trong nước từ 01/7 đến 31/12/2023, thị trường ô tô tăng sôi động, doanh thu bán lẻ ô tô ước tăng 16,02% so với tháng Sáu, tăng 59,72% so với cùng kỳ.

Tốc độ tăng doanh thu 12 nhóm ngành hàng so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 615,7 tỷ đồng (chiếm 9,1% tổng mức), tăng 0,21% so với tháng trước và tăng 50,24% so với

cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 89,4 tỷ đồng, tăng tương ứng 0,39% và 23,53%; doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 486,1 tỷ đồng, tăng 0,16% và 53,58%; doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt 40,2 tỷ đồng, tăng 0,55% và 92,25%. Trong tháng vừa qua, hoạt động du lịch tại tỉnh Vĩnh Phúc đã tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong tháng hè nắng nóng khiến nhu cầu tham quan và sử dụng dịch vụ du lịch của người dân tăng cao. Lượng du khách đến các địa điểm du lịch, nghỉ dưỡng trên địa bàn cũng đã tăng đáng kể so với cả tháng trước và cùng kỳ năm trước.

Doanh thu các ngành dịch vụ tiêu dùng khác ước đạt 387,5 tỷ đồng (chiếm 5,73% tổng mức), tăng 0,91% so tháng trước và tăng 17,34% so với cùng kỳ. So với tháng 7/2022, hầu hết các nhóm ngành dịch vụ đều có mức tăng cao, cụ thể như sau: Nhóm dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 18,36%, nhóm dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 18,73%; nhóm dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 43,27%; nhóm dịch vụ khác tăng 41,37%.

Tính chung 7 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 46.353,4 tỷ đồng, tăng 24,98% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 39.509,8 tỷ đồng, tăng 21,45%; doanh thu các ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành đạt 4.155 tỷ đồng, tăng 71,19%; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 2.688,6 tỷ đồng, tăng 26,20% so với cùng kỳ.

4.2. Vận tải hành khách và hàng hoá

Tháng 7/2023, hoạt động vận tải kho bãi trên địa bàn tỉnh duy trì được sự ổn định, đảm bảo giao thông thông suốt, phục vụ tốt việc vận chuyển hàng hóa cho sản xuất, tiêu dùng và nhu cầu đi lại của nhân dân. Doanh thu vận tải ước 507,44 tỷ đồng, tăng 2,67% so với tháng trước và tăng 14,02% so với cùng kỳ. Tính chung 07 tháng đầu năm doanh thu vận tải ước đạt 3.330,9 tỷ đồng, tăng 16,29% so với cùng kỳ. Kết quả cụ thể như sau:

Vận tải hành khách: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 85,5 tỷ đồng, giảm 3,02% so với tháng trước và tăng 0,06% so với cùng kỳ với trên 1,85 triệu lượt khách vận chuyển giảm 3,24% và 114,2 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 8% so cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm, vận tải hành khách đạt gần 13,2 triệu lượt khách, tăng 23,51% và 787,5 triệu lượt người.km luân chuyển tăng 20,26% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hoá: Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 393,9 tỷ đồng, tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 18,43% so với cùng kỳ, đạt 4,8 triệu tấn hàng hóa vận chuyển tăng 39,99% và 348,9 triệu tấn.km hàng hoá luân chuyển tăng

41,99% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm, vận tải hàng hóa đạt gần 30,4 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 28,99%; luân chuyển ước đạt 2.181,7 triệu tấn.km, tăng 39,33% so với cùng kỳ.

4.3. Chỉ số giá

Giá lương thực, thực phẩm tăng, giá điện sinh hoạt tăng do thời tiết nắng nóng kéo dài cùng với việc Tập đoàn Điện lực Việt nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và sự thay đổi mức giá đóng Bảo hiểm y tế (BHYT) đối với lao động tự do và công chức, viên chức Nhà nước tăng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2023 tăng 1,01% so với tháng trước và tăng 1,62% so với tháng 7/2022. Bình quân 7 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,65% so với cùng kỳ năm trước.

Tháng 7/2023, CPI tăng 1,01% so với tháng trước, là tháng thứ 2 liên tiếp ghi nhận mức CPI tăng. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 5 nhóm hàng tăng giá, 5 nhóm hàng giảm giá; 01 nhóm có giá ổn định so với tháng trước.

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao với mức tăng 2,25% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,75 điểm phần trăm, tăng ở cả nhóm lương thực và thực phẩm, nguyên nhân do giá gạo xuất khẩu liên tục tăng mạnh, kéo theo giá bán các loại gạo trên địa bàn bình quân tăng 1,17% (gạo tẻ thường tăng 1,47%; gạo tẻ ngon tăng 0,32%; gạo nếp tăng 0,23%); giá thịt lợn tăng 7,63%; giá thịt gia cầm tăng 4,32%; trứng tăng 13,29%... Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 7/2023 tăng 1,77%, tác động tới CPI tăng 0,26 điểm phần trăm chủ yếu do giá điện sinh hoạt bình quân tăng 10,45% so với tháng trước do thời tiết nắng nóng kéo dài, dẫn đến nhu cầu sử dụng điện của người dân tăng lên, đồng thời do tác động điều chỉnh mức giá bán lẻ điện Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,03% so với tháng trước là nhóm có chỉ số tăng cao nhất trong 11 nhóm hàng hóa, tác động tới CPI tăng 0,11 điểm phần trăm, chủ yếu do giá BHYT tăng 20,81% do điều chỉnh mức lương tối thiểu từ 01/7/2023.

Ở chiều ngược lại, có 5/11 nhóm hàng có chỉ số giá giảm, trong đó: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,70% do giá máy giặt giảm 2,0%, quạt điện giảm 3,84% và xà phòng, chất tẩy rửa giảm 2,21%, góp phần làm CPI giảm 0,06 điểm phần trăm; nhóm giao thông giảm 0,63% do giá xăng trong nước giảm 0,40% do các đợt điều chỉnh giá trong tháng và các doanh nghiệp giảm giá bán xe theo nhu cầu tiêu thụ; nhóm giáo dục giảm 0,01% so với tháng trước tập trung ở nhóm sản phẩm từ giấy giảm 0,19%.

Bình quân 7 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,65% so với cùng kỳ. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng của CPI là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,79% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 1,96 điểm phần trăm; việc điều chỉnh mức học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh bắt đầu từ năm học 2022-2023 làm chỉ số giá của nhóm giáo dục tăng 20,73% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI tăng 1,34 điểm phần trăm. Các nhóm còn lại cũng ghi nhận mức tăng như: nhóm đồ uống và thuốc lá, tăng 5,41%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,89%; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,73%; Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,27%.

Bên cạnh đó, các yếu tố làm giảm CPI trong 7 tháng đầu năm: nhóm giao thông giảm 6,63%, tác động làm CPI giảm 0,62% do giá nhiên liệu trong nước giảm 16,70% so với cùng kỳ năm trước theo biến động của giá Thế giới (xăng giảm 18,78%, dầu diesel giảm 16,72%). Tính từ đầu năm đến nay đã có 21 lần điều chỉnh giá xăng trong đó có 11 lần điều chỉnh tăng giá và 9 lần điều chỉnh giảm giá và 01 giữ nguyên. Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,38% do giá điện thoại thể hệ cũ và máy tính bảng giảm, tác động làm CPI giảm 0,02 điểm phần trăm.

Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ: Tháng 7/2023, chỉ số giá vàng giảm 0,20% so với tháng trước, tăng 2,98% so với tháng 12/2022 và tăng 4,70% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 7 tháng đầu năm 2023 giá vàng giảm 0,06%. Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,64% so với tháng trước, giảm 3,66% so với tháng 12/2022 và tăng 0,13% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 7 tháng đầu năm 2023 giá USD tăng 0,98%.

5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

5.1. Tình hình thu, chi ngân sách Nhà nước

Tính đến 15/7/2023, theo số liệu của Kho bạc Nhà nước, tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 15.411 tỷ đồng, giảm 29,33% so với cùng kỳ. Một số nguồn thu chủ lực như: Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, thu hải quan giảm mạnh do khó khăn trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp và tác động của các chính sách giảm, giãn thu của Nhà nước mới ban hành. Cụ thể: Thu nội địa đạt 12.175 tỷ đồng, giảm 30,32%, trong đó, thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đạt 9.495 tỷ đồng, chiếm 61,61% tổng thu ngân sách trên địa bàn, giảm 28,28%, giảm sâu ở thuế tiêu thụ đặc biệt khu vực doanh nghiệp nước ngoài (đạt 4.643 tỷ đồng, giảm 42,08%). Thu từ Hải quan đạt 2.676 tỷ đồng, giảm 24,37% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng chi ngân sách nhà nước đến ngày 15/7/2023 đạt 14.415 tỷ đồng, tăng 12,70% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển (bao gồm cả tạm ứng) đạt

8.543 tỷ đồng, tăng 13,20%; chi thường xuyên đạt 5.821 tỷ đồng, tăng 11,45% so với cùng kỳ. Nhìn chung, công tác quản lý chi ngân sách đã được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng vẫn bảo đảm các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.2. Hoạt động ngân hàng, tín dụng

Hỗ trợ tối đa doanh nghiệp, người dân giảm chi phí vốn vay, phục hồi sản xuất kinh doanh trong những tháng cuối năm, các Ngân hàng thương mại (NHTM) đã chủ động điều chỉnh và triển khai các chương trình/gói tín dụng ưu đãi để giảm lãi suất với mức giảm khoảng 0,5-3,0%/năm đối với các khoản vay mới; đồng thời cam kết giảm lãi suất cho vay khoảng 0,2-2,5%/năm trong những tháng cuối năm 2023. Cụ thể: Mức lãi suất cho vay trên địa bàn phổ biến từ 4-11%/năm đối với từng kỳ hạn và đối tượng; mức lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến từ 0,2-7,5%/năm đối với từng kỳ hạn. Nhìn chung, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên địa bàn có xu hướng giảm so với cuối năm 2022.

Tổng nguồn vốn huy động dự kiến đến 31/7/2023 đạt 118.000 tỷ đồng, tăng 7,68% so với cuối năm 2022. Các NHTM nỗ lực đưa ra nhiều biện pháp để tăng khả năng huy động vốn, đảm bảo cân đối nguồn để đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế, từ đó kích thích được nguồn tiền gửi từ dân cư quay trở lại (ước đạt 79.000 tỷ đồng, tăng 14,02% so với cuối năm 2022), bù đắp cho sự sụt giảm từ tiền gửi của các tổ chức kinh tế do các doanh nghiệp nước ngoài thực hiện quyết toán, chuyển lợi nhuận về nước (ước đạt 38.300 tỷ đồng, giảm 3,08% so với cuối năm 2022).

Tổng dư nợ cho vay ước tính đến 31/5/2023 ước đạt 121.000 tỷ đồng, tăng 4,50% so với cuối năm 2022, chủ yếu ở các khoản vay ngắn hạn, có tính thanh khoản cao. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn ước đạt 86.500 tỷ đồng, chiếm 71,49% tổng dư nợ, tăng 4,13%; dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 34.500 tỷ đồng, tăng 5,46% so với cuối năm 2022. Theo đối tượng vay vốn, dư nợ khu vực hộ gia đình, tư nhân, cá thể vẫn chiếm tỷ trọng lớn, ước đạt 69.500 tỷ đồng, chiếm 57,44% tổng dư nợ, khu vực doanh nghiệp ước đạt 51.500 tỷ đồng, chiếm 42,56% tổng dư nợ tăng 5,57% so với cuối năm 2022. Nợ xấu 1.070 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,88% trên tổng dư nợ.

Tính đến ngày 30/6/2023, chính sách hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo Nghị định 31 và Thông tư 03 đã mang lại kết quả khá tích cực. Có tổng cộng 62 khách hàng được hỗ trợ lãi suất, với số tiền hỗ trợ lên đến 19,95 tỷ đồng. Kết quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội của ngân hàng CSXH tỉnh: cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi với số tiền 1,52 tỷ đồng; cho vay học sinh, sinh viên để mua máy tính và thiết bị học trực tuyến đạt 7 tỷ đồng; cho vay

mua, thuê mua nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP đạt 180 tỷ đồng; cho vay cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 với số tiền 5 tỷ đồng.

5.3. Bảo hiểm

Tháng 7/2023, số lượng đơn vị và lao động mới tham gia Bảo hiểm tiếp tục duy trì đà tăng với 38 đơn vị tăng mới tham gia BHXH, BHYT bắt buộc với số lao động là 172 người; lũy kế 7 tháng đầu năm tăng mới 315 đơn vị với 1.036 lao động.

Ước tính đến 31/7/2023, toàn tỉnh có 1.146.360 người tham gia bảo hiểm các loại. Trong đó, có 244.558 người tham gia BHXH, chiếm 42,5% lực lượng lao động (bao gồm: BHXH bắt buộc: 226.566 người; BHXH tự nguyện: 17.992 người); tham gia BH thất nghiệp có 218.288 người, chiếm 37,9% lực lượng lao động; tham gia BHYT có 1.128.368 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 94,2% dân số. Tổng số tiền thu bảo hiểm các loại ước đạt 3.639,9 tỷ đồng, đạt 56,2% kế hoạch giao và tăng 12,90% so với cùng kỳ năm 2022. Công tác chi trả, nhất là trả lương hưu và trợ cấp BHXH được thực hiện đồng bộ, nhanh gọn và an toàn đến tận tay đối tượng: Trong 7 tháng đầu năm BHXH tỉnh đã giải quyết hưởng BHXH hàng tháng cho 369 người; giải quyết hưởng BHXH một lần cho 7.905 người; giải quyết ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 82.442 lượt người; lập danh sách chi trả cho 7.929 lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

6. Một số vấn đề xã hội

6.1. Y tế

Công tác phòng chống dịch bệnh: Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cơ bản ổn định, số ca mắc ghi nhận duy trì ở mức thấp, các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Y tế, của Ban chỉ đạo Phòng chống Dịch bệnh tỉnh, Sở Y tế về công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Trong tháng phát sinh 54 ca, giảm 243 ca so với tháng trước, số ca mắc mới trong tháng giảm nhiều so với tháng trước, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp tử vong do Covid.

Tình hình một số bệnh truyền nhiễm: Ngành Y tế của tỉnh đã chủ động phối hợp với các cấp, các ngành liên quan thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc chủ động phòng, chống dịch bệnh. Trong tháng, số ca mắc các bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh so với tháng trước như sau: 380 ca Cúm, giảm 19 ca; 115 ca Tiêu chảy, tăng 13 ca; 13 ca Viêm gan vi rút B, tăng 01 ca; 05 ca mắc Sốt xuất huyết tăng 02 ca; 25 ca Tay - Chân - Miệng, tăng 14 ca... Các ca mắc đều được điều trị kịp thời, không để các dịch bệnh bùng phát xảy ra.

Tình hình an toàn vệ sinh thực phẩm (VSATTP): Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường, tỉnh đã triển khai đồng bộ hiệu quả thông qua các hoạt động truyền thông, giáo dục, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm trong mùa hè và mùa bão, lụt. Trong tháng, ngành Y tế và UBND các cấp phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát được 103 lượt cơ sở về vệ sinh an toàn thực phẩm (có 86,40% cơ sở đạt tiêu chuẩn); tiến hành xét nghiệm 284 mẫu thực phẩm (99,3% số mẫu đạt). Trong tháng, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 01 vụ ngộ độc thực phẩm với tổng số 14 người mắc tại Homestay Levent thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo. Ngay khi nhận được thông tin về vụ việc ngộ độc thực phẩm, Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, đề nghị UBND huyện Tam Đảo triển khai các biện pháp đáp ứng ngộ độc thực phẩm nhằm giảm thiểu tối đa tác hại của ngộ độc thực phẩm đối với cộng đồng.

Công tác phòng chống HIV/AIDS: Tính đến đầu tháng 7/2023, lũy tích toàn tỉnh có 4.819 người nhiễm HIV (trong đó số người nhiễm HIV có hộ khẩu tại tỉnh là 2.270 người); 2.330 người người chuyển AIDS (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.531 người); 1.097 người tử vong do AIDS (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 897 người). Số người nhiễm HIV hiện còn sống là 3.717 (trong đó có hộ khẩu tại tỉnh là 1.373 người); số bệnh nhân đang nhận thuốc điều trị ARV là 1.138 bệnh nhân (trong đó có 22 trẻ em).

6.2. Giáo dục và đào tạo

Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 được diễn ra trong hai ngày 28/6 và 29/6/2023, với gần 14 nghìn thí sinh của tỉnh dự thi ở 26 điểm thi trong toàn tỉnh. Kỳ thi đã diễn ra thuận lợi, an toàn, không có thí sinh vi phạm quy chế thi. Trong các buổi thi, số học sinh dự thi ở các môn thi đều đạt tỷ lệ cao. Ngày 18/7/2023 tỉnh đã hoàn thành công tác chấm thi và công bố điểm theo đúng kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo thông tin từ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, Vĩnh Phúc đứng đầu cả nước về điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và phổ điểm các khối thi gồm 3 môn để xét tuyển đại học của học sinh Vĩnh Phúc đều dao động phổ biến từ trên 21-22 điểm, cao nhất cả nước.

Kỳ thi Olympic Sinh học Quốc tế IBO lần thứ 34 diễn ra từ ngày 03/7 - 10/7/2023, tại thành phố Al Ain, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, thu hút 320 thí sinh đến từ hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Đoàn Việt Nam có 03 học sinh tham dự trong đó có 01 học sinh trường trung học phổ thông Chuyên Vĩnh Phúc giành huy chương đồng.

6.3. Văn hóa, thể thao

Tháng 7/2023, tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa và thể thao sôi động và đa dạng. Đặc biệt, tại quảng trường khu du lịch Tam Đảo và

Trung tâm Văn hóa tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nơi các câu lạc bộ dân ca, dân vũ, dân nhạc của đồng bào dân tộc thiểu số biểu diễn, giao lưu các tiết mục múa, hát, nhảy dân vũ đặc sắc và trình diễn nhạc cụ dân tộc đặc trưng. Các tiết mục biểu diễn xen lẫn các lễ hội của dân tộc như lễ cấp sắc, lễ hội xuống đồng, lễ làm nhà xe (dân tộc Cao Lan), lễ hội Tây Thiên (dân tộc Sán Dìu) và các ca khúc hát về quê hương Vĩnh Phúc đã được các nghệ sĩ Trung tâm Văn hóa tỉnh trình diễn, tạo không gian văn hóa đa dạng và đặc sắc.

Nhà hát Nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phúc đã tham gia Cuộc thi Độc tấu và Hòa tấu nhạc cụ dân tộc toàn quốc năm 2023 tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Đạt thành tích xuất sắc với 09 tiết mục biểu diễn, bao gồm 03 tiết mục Hòa tấu và 06 tiết mục Độc tấu, Nhà hát đã thể hiện rõ nét đặc trưng âm nhạc độc đáo của Vĩnh Phúc và giành được 01 giải nhất và 02 giải Nhì trong cuộc thi.

Cùng với hoạt động văn hóa, ngày 17/6/2023, tỉnh đã tổ chức kỷ niệm Ngày Quốc tế Yoga lần thứ 9 với chủ đề “Yoga vì hòa bình và an lạc”. Sự kiện này đã thu hút hơn 1.000 người yêu thích bộ môn Yoga tham gia màn đồng diễn. Bộ môn Yoga đã phát triển mạnh trên địa bàn tỉnh, với nhiều câu lạc bộ và thu hút đông đảo người dân tham gia tập luyện, góp phần thúc đẩy phong trào rèn luyện thể dục và thể thao trong cộng đồng dân cư.

6.4. An ninh, trật tự, giao thông, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

Tình hình an ninh trật tự: Tháng 7/2023, tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định. Công an tỉnh đã triển khai nhiều phương án nghiệp vụ để đối phó với các loại tội phạm thường xuyên xảy ra trên địa bàn như: Tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tín dụng đen, cướp giật, trộm cắp,... Từ ngày 15/6/2023 đến ngày 14/7/2023, tỉnh Vĩnh Phúc xảy ra 41 vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội (giảm 05 vụ so với tháng trước), bị thương 04 người, thiệt hại tài sản 3.116,14 triệu đồng, đã điều tra làm rõ 37 vụ (đạt 90,2%) bắt giữ 81 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá 1.558,54 triệu đồng.

Tình hình an toàn giao thông: Tháng 7/2023, công tác tuần tra, kiểm soát vẫn duy trì thường xuyên, cơ quan chức năng tập trung xử lý đối với các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đối với xe ô tô hoạt động vận chuyển hành khách, vi phạm nồng độ cồn, đi không đúng phần đường, làn đường, không chấp hành hiệu lệnh đèn tín hiệu giao thông, chở hàng quá khổ, quá tải... Trong tháng, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 03 người bị chết và 03 người bị thương. Lũy kế 7 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông, làm 12 người chết và 14 người bị thương, so với kỳ năm trước, số vụ tai nạn giảm 02 vụ, giảm 02 người chết, giảm 02 người bị thương.

Tình hình cháy, nổ: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy, trong đó: 01 vụ cháy hộ nhà dân và 01 vụ cháy cơ sở sản xuất kinh doanh. Nguyên nhân đang được các cơ quan chức năng điều tra, chưa ước tính được thiệt hại. Tính chung 7 tháng đầu năm xảy ra 10 vụ cháy, giảm 02 vụ so với cùng kỳ.

Công tác bảo vệ môi trường: Trong tháng, trên địa bàn tỉnh phát hiện 16 vụ vi phạm môi trường (VPMT); số vụ đã xử lý là 16 vụ với số tiền xử phạt là 221,5 triệu đồng. Lũy kế 7 tháng đầu năm phát hiện 175 vụ, số tiền xử phạt là 2,5 tỷ đồng, giảm 13,8% về số vụ nhưng tăng 31,8% về số tiền xử phạt.

Tình hình thiên tai: Trong tháng, mưa lớn trên địa bàn huyện Tam Đảo từ ngày 22 đến ngày 25/6/2023 đã làm bị vỡ, sạt lún gây thiệt hại kênh mương nội đồng, tổng giá trị thiệt hại ước tính 120 triệu đồng. Ngay sau khi có mưa lớn xảy ra, các ngành chức năng trong tỉnh đã nhanh chóng ứng phó và triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả thiên tai. Lũy kế từ đầu năm xảy ra 02 vụ thiên tai, thiệt hại ước tính 1.988,2 triệu đồng./.

Nơi nhận :

- Vụ TH-TCTK (b/c)
- Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh (b/c);
- Một số Sở, ngành của tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Phong